

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **26/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 03-9-2025

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Việt Hồng.

2. Bà Trần Thị Thuỳ Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Thành Công - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 03/9/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2025/TLST-HNGĐ ngày 10/6/2025 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/8/2025 giữa các đương sự:

– *Nguyên đơn:* Bà Diệp Hoàng Phương L, sinh năm 1978 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số E, ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã A, thành phố Cần Thơ).

– *Bị đơn:* Ông Lê Văn N, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Số A, đường Đ, Khóm A, Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường P, thành phố Cần Thơ).

Địa chỉ liên hệ: Số A đường P, phường P, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Diệp Hoàng Phương L trình bày: Bà L và ông Lê Văn N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường D, thị xã S, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường P, thành phố Cần Thơ) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 25/02/2000. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng sau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Bà L và ông N không còn chung sống từ tháng

02/2022 đến nay. Thời kỳ hôn nhân bà L và ông N có 01 người con chung tên Lê Diệp Tuyết N1, sinh ngày 21/5/2001. Hiện nay Lê Diệp Tuyết N1, sinh ngày 21/5/2001 đã trên 18 tuổi và đang chung sống với bà L. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay bà Diệp Hoàng Phương L yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Về hôn nhân, bà Diệp Hoàng Phương L yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn N. Về con chung, con chung là Lê Diệp Tuyết N1 đã trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

– Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lê Văn N, nhưng ông N không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cũng như không tham phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho bị đơn ông Lê Văn N, nhưng ông N vẫn vắng mặt không có lý do và bà Diệp Hoàng Phương L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Diệp Hoàng Phương L, nhận thấy bà L và ông Lê Văn N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường D, thị xã S, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường P, thành phố Cần Thơ) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 25/02/2000. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng sau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Bà L và ông N không còn chung sống từ tháng 02/2022 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã động viên bà L nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông N, nhưng bà L vẫn cương quyết xin được ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông N.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà L và ông N có một con chung Lê Diệp Tuyết N1, sinh ngày 21/5/2001, hiện nay đã trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Diệp Hoàng Phương L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Diệp Hoàng Phương L được ly hôn với ông Lê Văn N.

- Về con chung: Con chung Lê Diệp Tuyết N1, sinh ngày 21/5/2001, hiện nay đã trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Bà Diệp Hoàng Phương L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà Diệp Hoàng Phương L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Diệp Hoàng Phương L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000362, ngày 27/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Diệp Hoàng Phương L đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều

Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND KV5-CT;
- UBND P. Phú Lợi, TPCT
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Chiêm Ngọc Linh